

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-PT
Ngày 11 - 5 - 2022
V/v tranh chấp HĐ chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Danh
Bà Nguyễn Lệ Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1964; địa chỉ: Thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông G, Luật sư Công ty Luật I, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1948 (chết) và bà C; cùng địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà C: Bà H, sinh năm 1957; Trú tại: thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (giấy ủy quyền ngày 04/5/2022) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà C: Ông K, là Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Những người thừa kế của ông B tham gia tố tụng gồm:

- Bà C; cùng địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Anh B1, sinh năm 1973; địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Anh B2, sinh năm 1976; địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Anh B3, sinh năm 1978; địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Anh B4, sinh năm 1984; Địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà D, sinh năm 1964; địa chỉ: thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

2. Anh B1, sinh năm 1973; địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Anh B2, sinh năm 1976; địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Anh B3, sinh năm 1978; địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5. Anh B4, sinh năm 1984; Địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

6. Bà E, sinh năm 1974; địa chỉ: thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

7. Chị F, sinh năm 1983; địa chỉ: phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt) .

8. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu; Trụ sở: thành phố M, tỉnh Bạc Liêu; đại diện theo pháp luật: Bà L, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông A; Bị đơn bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông A trình bày:*

Ngày 10/9/1997, ông A và ông B, bà C ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 330m², đất tại thửa 770, tờ bản đồ số 02 thuộc khóm O (nay là khóm O A), phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, giá chuyển nhượng là 36.776.000 đồng. Khi giao dịch hai bên đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng ngày 10/9/1997, ông B, bà C và ông A đến Ủy ban nhân dân xã P (nay là Ủy ban nhân dân phường N), thành phố M làm thủ tục, ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thời điểm chuyển nhượng vào năm 1997 không có mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông A và ông B, bà C được cán bộ Ủy ban nhân dân xã P hướng dẫn thủ tục là làm “*đơn xin chuyển quyền sử dụng đất*”. Đến ngày 13/9/1997, ông A và ông B cùng thỏa thuận tại “*Tờ chuyển quyền sử dụng đất*” ghi rõ số tiền chuyển nhượng là 36.776.000 đồng và ông A đã giao đủ số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông B cụ thể như sau: Ngày 13/9/1997 giao số tiền 10.000.000 đồng, ngày 18/9/1997 giao số tiền 15.000.000 đồng, lần thứ 3 trừ tiền vật tư và ứng (ông A không nhớ rõ ngày tháng) là 9.178.000 đồng, ngày 23/10/1997 giao số tiền 1.372.000 đồng.

Khi thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 138834 do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) cấp ngày 01/5/1997. Ngay sau khi làm giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong, ông B và gia đình đã giao đất cho ông A quản lý nhưng do không có nhu cầu sử dụng nên ông A để đất trống. Năm 2006 thì ông B thuê lại quyền sử dụng đất để sử dụng trong 01 năm và ông A, ông B ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có ông B ký tên nhưng không có công chứng. Theo hợp đồng thỏa thuận ông B, bà C thuê lại quyền sử dụng đất có diện tích ngang 5m x dài 10m (diện tích này nằm một phần trong diện tích đất chuyển nhượng), thuê được khoảng 01 năm thì ông B trả lại đất. Do không có nhu cầu sử dụng nên ông A tiếp tục để trống đất. Từ khi chuyển nhượng đất đến nay ông A nhiều lần yêu cầu ông B, bà C giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông kê khai đăng ký chuyển tên, tách thửa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông B và bà C trả lời đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác để vay tiền vì vậy không giao cho ông A ngay được. Ông A tin tưởng nên không yêu cầu ông B, bà C giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay và đất hiện nay để trống không có tài sản công trình kiến trúc gì khác.

Ngày 22/10/2013, Ủy ban nhân dân thành phố M đã ban hành quyết định số 796/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông A, đất tọa lạc tại phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu để thực hiện dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Q, thành phố M, diện tích bị thu hồi 171,3m², tại thửa 782-01, tờ bản đồ số 05 (trước đây là thửa 770, tờ bản đồ số 02); ngày 15/6/2017 Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số 282/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông A bị ảnh hưởng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Q, thành phố M (đoạn từ cầu R đến cầu S) và ngày 28/6/2017 Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số 446/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông A bị ảnh hưởng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Q, thành phố M (đoạn từ cầu R đến cầu S). Ngày 30/6/2017 ông A đã nhận được tiền bồi thường đối với diện tích đất tại vị trí chuyển nhượng.

Nay ông A yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/9/1997 giữa ông và vợ chồng ông B, bà C có hiệu lực pháp luật, đất có diện tích 330m² (ngang 15m x dài 22m) thuộc thửa số 770, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại số 212/1 đường Q, khóm O (nay là khóm O A), phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 138834 do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) cấp ngày 01/5/1997 cho ông B và yêu cầu vợ chồng bà C, ông B (nay là những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh B4, anh B3, anh B2, anh B1) tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên, giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A để ông A bổ sung hồ sơ, tiến hành thủ tục đăng ký chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về diện tích đất theo hợp đồng chuyển nhượng là 330m² tuy nhiên do đất đã thu hồi một phần là 171,3m² nên ông A yêu cầu bà C, ông B (nay là những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh B4, anh B3, anh B2, anh B1) giao trả cho ông A ông diện

tích đất còn lại sau khi đã trừ diện tích đất bị thu hồi.

Quá trình tòa án thụ lý vụ án ông A được biết năm 2001 ông B đăng ký kê khai bổ sung diện tích và đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 611824 ngày 22/01/2001 cho “*Hộ ông B*”. Tại đơn khởi kiện bổ sung ông A yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp mà ông B bà C đã chuyển nhượng cho ông nói trên (sau khi trừ phần bị thu hồi) cho ông A được quyền sử dụng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 611824 cấp ngày 22/01/2001 cho “*Hộ ông B*”.

** Tại các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà C trình bày:*

Bà C xác định bà không biết ông A là ai và không có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông A. Nguồn gốc đất là của vợ chồng ông B và bà C khai phá nên là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Năm 1997, ông B kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B đứng tên, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì ông B giữ và bà không biết ông B có cầm cố thế chấp cho người khác không.

Bà C xác định bà không đến Ủy ban nhân dân xã P, thị xã M (nay là thành phố M), tỉnh Bạc Liêu để ký tên vào bất cứ giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nào khác và bà C cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào của ông A. Năm 2001, ông B kê khai biến động do diện tích đất thực tế tăng và đã được Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611824 ngày 22/01/2001 cho hộ ông B; diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 770 tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 138834 do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) cấp ngày 01/5/1997 cho ông B nay là thửa 782-1, diện tích 300m² đất ở và thửa 782-2 diện tích 180m² đất vườn tạp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611824 cấp ngày 22/01/2001 cho hộ ông B. Bà C không thể chấp cho ai và không thể chấp Ngân hàng nào khác, bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay gia đình bà C đang quản lý.

Nguyên đơn ông A cung cấp đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 10/9/1997 và tại tờ chuyển quyền sử dụng đất ngày 13/9/1997, các biên nhận nhận tiền thì bà C xác định bà không giao dịch gì với ông A, không ký tên vào đơn xin chuyển quyền sử dụng đất, đối với chữ ký của ông B tại hợp đồng thì bà C không biết chữ ký có phải chữ ký của ông B không. Đối với bản hợp đồng thuê đất giữa ông A và vợ chồng bà thì bà xác định chữ ký tại bản hợp đồng không phải là chữ ký của ông B, đồng thời bà xác định không thuê lại đất của ông A, không biết gì về hợp đồng và không ký tên vào bản hợp đồng trên.

Đối với các quyết định thu hồi, bồi thường của nhà nước thì bà C không biết vì người nhận tiền là ông B nên bà C không rõ diện tích đất thu hồi theo quyết định bồi thường là bao nhiêu và không được biết ông A được nhận tiền bồi thường đối với diện tích đất gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà C không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông A nên bà C không đồng ý giao quyền sử dụng đất, không đồng ý giao giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611824 cấp ngày 22/01/2001 cho hộ ông B.

** Theo những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông B là anh B1, anh B2, anh B4 cùng thống nhất xác định:*

Anh B2, anh B4, anh B1 thống nhất lời trình bày của bà C. Anh xác định chữ ký trong hợp đồng thuê đất không phải là chữ ký của ông B, hoàn toàn không biết các cha anh là ông B có chuyển nhượng đất cho ông A và hoàn toàn không biết về các giấy tờ nguyên đơn cung cấp, tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/9/1997 và các biên nhận tiền thì các anh không biết nên không xác định được có đúng chữ ký của ông B không.

Khi các anh còn chung sống với cha mẹ chưa ra riêng thì tất cả các anh em đều có công sức đóng góp xây dựng trong khối tài sản chung của gia đình là diện tích đất tại thửa 770, tờ bản đồ số 02, khóm O A, phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, nay các anh đã ra riêng thì anh B4 vẫn tiếp tục quản lý sử dụng và bỏ công sức tôn tạo diện tích đất trên nên không đồng ý giao đất và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A, không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 611824 cấp ngày 22/01/2001 cho hộ ông B.

Đối với các quyết định thu hồi, bồi thường của nhà nước ông A thì những người thừa kế của ông B là anh B2, anh B1, anh B4 và bà C cùng thống nhất xác định không biết việc ông A đã nhận được tiền bồi thường trên phần đất gia đình ông B bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì người nhận tiền bồi thường, làm các hồ sơ, giấy tờ, thủ tục là ông B. Bà C, anh B4, anh B2, anh B1 không có ý kiến đối với các quyết định chi trả tiền bồi thường, quyết định thu hồi đất đối với ông A và không đặt ra yêu cầu gì khác.

** Theo đơn yêu cầu độc lập và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày:*

Năm 2014, ông A có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà D, ông A chuyển nhượng phần đất có diện tích 350m² thuộc thửa số 770, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại số 212/1 đường Q, khóm O, phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 138834 do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) cấp ngày 01/5/1997 cho ông B, khi thỏa thuận ông A xác định diện tích đất này ông nhận chuyển nhượng của ông B và bà C nhưng chưa chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng là 200.000.000 đồng, bà D đã giao đủ tiền cho ông A và lập giấy tay chuyển nhượng ngày 10/01/2014. Hai bên thỏa thuận khi nhà nước bồi thường giải tỏa thì tiền bồi thường giải tỏa cho ông A nhận, phần diện tích còn lại sau khi bồi thường giải tỏa thì giao cho bà D và ông A sẽ làm thủ tục chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D.

Đến nay, nhà nước đã thực hiện xong việc bồi thường nhưng ông A vẫn chưa thực hiện hợp đồng, chưa giao đất, chưa chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D nên bà yêu cầu ông A thực hiện thỏa thuận đã cam kết.

Quá trình giải quyết vụ án bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà D không yêu cầu nhận tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông A, yêu cầu nhận lại số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu ông A bồi thường hợp đồng theo giá trị tài sản tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án. Ngày 07/12/2020, bà D rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập do bà D và ông A đã thỏa thuận việc trả tiền xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố M, bà D, anh B1, anh B3, anh B4, chị F có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, về nội dung vụ án yêu cầu xét xử theo quy định pháp luật.

Bà E là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến được.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B và bà C.

1.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đơn xin chuyển quyền sử dụng đất) đề ngày 10/9/1997 giữa ông A đối với ông B và bà C.

1.2. Buộc bà C, và những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh B4, anh B3, anh B2, anh B1 giao trả cho ông A diện tích đất tranh chấp có định vị:

Hướng Bắc giáp phần đất ông K đang quản lý sử dụng có số đo 5,36m.

Hướng Nam giáp phần đất bà C đang quản lý sử dụng có số đo 5,45m.

Hướng Đông giáp với đất trống còn lại bà C và ông B4 đang quản lý sử dụng có số đo 15m.

Hướng Tây giáp ranh giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng đường Q có số đo 15m.

Tổng diện tích: 81,1 m²

1.3. Tạm giao cho ông A quản lý, sử dụng phần đất thuộc hành lang quy hoạch đường Q có định vị như sau:

Hướng Bắc giáp phần đất ông K đang quản lý sử dụng có số đo 05 m.

Hướng Nam giáp phần đất bà C đang quản lý sử dụng có số đo 05 m.

Hướng Đông giáp với ranh giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng đường Q có số đo 15m.

Hướng Tây giáp đường Q có số đo 15m.

Tổng diện tích: 75 m².

1.4. Ông A được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp

có định vị nói trên.

1.5. Buộc bà C, và những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh B4, anh B3, anh B2, anh B1 có nghĩa vụ đăng ký biến động giảm đối với diện tích đất tranh chấp ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà D đối với ông A.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn ông A kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

- Ngày 04 tháng 6 năm 2021, bị đơn bà C (bà C cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn B) kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ, không đồng ý quyết định của án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông A phát biểu ý kiến: Yêu cầu hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông A, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/9/1997 giữa ông A với ông B, bà C có hiệu lực pháp luật, công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp mà ông B bà C đã chuyển nhượng cho ông A tại thửa 770, tờ bản đồ số 02, nay là thửa 782, tờ bản đồ số 05 (sau khi trừ phần bị thu hồi), theo biên bản đo đạc thực tế của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu là 156,8m² và phần lộ giới quy hoạch 78,9m², cho ông A được quyền sử dụng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 611824 cấp ngày 22/01/2001 cho “Hộ ông B”.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà C phát biểu ý kiến: Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A với ông B vi phạm cả hình thức và nội dung, đất cấp hộ gia đình nên ông B không có quyền chuyển nhượng khi chưa có sự đồng ý của tất cả các thành viên trong hộ. Giao dịch hợp đồng chuyển nhượng nếu có xảy ra từ năm 1997, đến năm 2018 ông A mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Yêu cầu hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:* Ông A yêu cầu ông B và bà C thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố M và phần đất tranh chấp tọa lạc trên địa bàn thành phố M nên Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ pháp luật và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[3] *Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:* Đối với bị đơn bà C đã ủy quyền tham gia tố tụng cho H (Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2022), do đó, tuy bà C vắng mặt nhưng bà H có mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có mặt anh B2, **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà E** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; Ủy ban nhân dân thành phố M, bà D, **anh B1, anh B3, anh B4, chị F** có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[4] *Về nội dung:* Xét giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A với ông B, bà C: Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 10/9/1997 (BL 27) thể hiện ông B và bà C chuyển nhượng cho ông A phần đất vườn tạp thuộc thửa 770, tờ bản đồ số 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 138834 do UBND thị xã M cấp cho ông B ngày 1/5/1997 và theo nội dung Tờ chuyển quyền sử dụng đất ngày 13/9/1997 (BL 24) thể hiện đất có chiều ngang 15m dài 22m với giá chuyển nhượng là 36.776.000 đồng, ông A đã giao đủ toàn bộ số tiền. Ông A cho rằng các bên đã thỏa thuận chuyển nhượng và thực hiện giao đất, giao tiền xong, đã tiến hành các thủ tục chuyển nhượng theo quy định nhưng chưa tách được quyền sử dụng đất do nhiều lần ông A yêu cầu ông B, bà C giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông kê khai đăng ký chuyển tên, tách thửa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông B và bà C chưa giao.

[5] Căn cứ lời khai của người làm chứng là ông Trần Văn Xuân, là cán bộ địa chính của UBND xã P vào thời điểm xác lập giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A với ông B, bà C (Biên bản xác minh ngày 22/02/2021-BL 538) thể hiện ông Xuân là người trực tiếp thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể, ông Xuân trực tiếp soạn thảo các giấy tờ như Đơn xin đăng ký biến động đất đai ngày 12/9/1997, Bản xác minh đề nghị ngày 12/9/1997, Tờ trình về việc chuyển quyền sử dụng đất vườn tạp ngày 12/9/1997. Ông Xuân trực tiếp ký tên của ông Xuân trong các văn bản trên, ông Xuân trực tiếp chứng kiến các bên ký kết vào đơn xin đăng ký biến động đất đai, ông Xuân khẳng định chữ ký và chữ viết tên ông B là do chính ông B ký và viết trước mặt ông, còn đối với bà C ông không nhớ rõ nhưng về thủ tục thì bà C, ông A, ông B phải ký tên trước mặt địa chính, sau đó ông mới ký vào và trình Chủ tịch xã ký. Ông Xuân khẳng định giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên có xảy ra, diện tích chuyển nhượng không đo đạc thực tế mà được ghi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục vào thời điểm năm 1997 được tiến hành từ cấp xã, sau đó các đương sự sẽ đến Phòng địa chính thị xã để đăng ký là phù hợp.

[6] Ngoài ra, tranh chấp giữa ông A với ông B, bà C đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết trước đó (vụ án dân sự thụ lý số 186/2017/TLST-DS ngày 31/10/2017), nhưng do nguyên đơn rút đơn khởi kiện nên vụ án đã được đình chỉ (Quyết định đình chỉ số 16/2018/QĐST-DS ngày 27/02/2018). Tại lời khai ngày 23/01/2018 của bà C (BL 266) được thu thập từ hồ sơ vụ án đã được đình chỉ thể hiện nội dung: *“Vào năm 1997, chồng là Minh có chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngang 15m, dài hết hậu không biết bao nhiêu m”, “thực tế sau khi chuyển nhượng bán đất cho ông A thì vợ chồng tôi đã dỡ nhà, giao đất cho ông A, còn tiền thì ông B nhận chứ tôi không nhận”*. Do đó, đủ căn cứ chứng minh hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được ông A với ông B, bà C thống nhất xác lập, ông B, bà C đã dỡ nhà giao đất, ông A trả đủ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đã được thực hiện trên 2/3, đủ cơ sở xác định ông B và bà C đã chuyển nhượng diện tích đất tranh chấp 330m², thửa 770, tờ bản đồ số 2, chiều ngang 15m x chiều dài 22m, đất tọa lạc tại khóm O A, phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu cho ông A.

[7] Mặt khác, căn cứ hồ sơ thu hồi đất của hộ ông B theo quyết định 797/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2013 về việc thu hồi đất của hộ ông B, đất tọa lạc tại phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu để thực hiện dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Q, thành phố M thể hiện diện tích đất bị thu hồi là 103,5m², gồm một phần thửa 782 tờ bản đồ số 05. Tại bản mô tả ranh giới mốc thửa đất có chữ ký của ông B ngày 07/01/2012, xác định hộ giáp ranh đất của ông B là ông A, J. Theo kết quả đo đạc thửa đất có chữ ký của anh B4 diện tích đất thu hồi của ông B là 103,5m², còn lại là 169,3m², tất cả các tài liệu trên đều thể hiện diện tích đất của gia đình ông B sử dụng và bị thu hồi không bao gồm diện tích đã chuyển nhượng cho ông A, điều đó thể hiện ông B đã thừa nhận diện tích đất còn lại của thửa 782 tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 611824 cấp ngày 22/01/2001 đã chuyển nhượng cho ông A. Đồng thời, sau khi nhận các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường

ông B, anh B4 và gia đình ông B cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với các quyết định. Do đó, đủ căn cứ xác định gia đình ông B đã thống nhất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông A và không có tranh chấp trong khoảng thời gian dài từ năm 1997. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đơn xin chuyển quyền sử dụng đất) đề ngày 10/9/1997 giữa ông A đối với ông B và bà C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[8] Xét đơn kháng cáo của ông A yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp mà ông B bà C đã chuyển nhượng cho ông A tại thửa 770, tờ bản đồ số 02, nay là thửa 782, tờ bản đồ số 05 (sau khi trừ phần bị thu hồi), theo biên bản đo đạc thực tế của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu là 156,8m² và phân lô giới quy hoạch 78,9m²: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá, sơ đồ vị trí đất tranh chấp là phần đất trống thuộc thửa 782, tờ bản đồ số 05 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, có căn cứ xác định đất tranh chấp được định vị như sau:

Hướng Bắc giáp phần đất ông K đang quản lý sử dụng.

Hướng Nam giáp phần đất bà C đang quản lý sử dụng.

Hướng Đông giáp với đất ông K đang quản lý sử dụng.

Hướng Tây giáp đường Q.

Diện tích đất theo hợp đồng chuyển nhượng là 330m² nhưng đã thu hồi một phần diện tích là 171,3m² theo quyết định 796/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2013 về việc thu hồi đất của hộ ông A, đất tọa lạc tại phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu để thực hiện dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Q, thành phố M nên căn cứ vào hồ sơ thu hồi diện tích đất ông A còn lại như sau:

Hướng Bắc giáp phần đất ông K đang quản lý sử dụng có số đo 22m – 11,62m (phần bị thu hồi) – 5,02m (phần đất thuộc hành lang quy hoạch) = 5,36m.

Hướng Nam giáp phần đất bà C đang quản lý sử dụng có số đo 22m – 11,59m (phần bị thu hồi) – 05m (phần đất thuộc hành lang quy hoạch) = 5,45m.

Hướng Đông giáp với đất trống còn lại bà C và ông B4 đang quản lý sử dụng có số đo 15m.

Hướng Tây giáp ranh giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng đường Q có số đo 15m.

Tổng diện tích: 81,1 m²

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C và các con bà C, ông B giao quyền sử dụng diện tích đất 330m² theo đúng thỏa thuận chuyển nhượng ngày 10/9/1997 và trừ đi diện tích ông A đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng là 171,3m². Do đó, cấp sơ thẩm chỉ xem xét phần diện tích đất theo phạm vi khởi kiện của ông A là đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông A không cung cấp thêm chứng cứ mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A và ý kiến của

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A buộc các đồng thừa kế của ông B và bà C phải trả lại cho ông A diện tích theo biên bản đo đạc do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh Bạc Liêu cung cấp là 166,8m² và diện tích thuộc lộ giới quy hoạch là 78,9m².

[9] Xét kháng cáo của bà C không đồng ý quyết định của án sơ thẩm, như đã phân tích, đủ căn cứ xác định ông B và bà C đã chuyển nhượng diện tích đất 330m², thửa 770, tờ bản đồ số 2, chiều ngang 15m x chiều dài 22m, đất tọa lạc tại khóm O A, phường N, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu cho ông A, cấp sơ thẩm buộc bà C và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh B4, anh B3, anh B2, anh B1 giao trả cho ông A diện tích đất 81,1 m² và tạm giao cho ông A quản lý, sử dụng phần đất thuộc hành lang quy hoạch đường Q diện tích 75 m² là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bà C có yêu cầu giám định chữ ký của bà và ông B, tuy nhiên, bà C không cung cấp được các mẫu chữ ký để tiến hành giám định, bà C có yêu cầu Tòa án thu thập nhưng Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập vẫn không thể thu thập được, Tòa án đã có lập văn bản thông báo cho bà C rõ việc không thu thập được mẫu chữ ký phục vụ việc giám định, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà C đồng ý do không thu thập được mẫu chữ ký phục vụ giám định nên không tiếp tục yêu cầu giám định. Mặt khác, như đã phân tích, đủ cơ sở pháp lý chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông A đối với diện tích đất 330m². Ngoài ra, bà C không cung cấp thêm chứng cứ mới trong quá trình giải quyết cấp phúc thẩm để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà C.

[10] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như đã phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của vị Luật sư.

[11] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện. Xét thấy, tuy giao dịch hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xảy ra năm 1997, đến khi khởi kiện vụ án năm 2018 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Nhưng do trước khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa, không có đương sự nào đặt ra yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố M không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật, do đó, đề nghị của vị Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[12] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[13] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn, bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông A; Không chấp nhận kháng cáo của bà C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 97; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 184; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 691 Bộ luật dân sự 1995;

Áp dụng khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 3; Điều 30; Điều 31 Luật Đất đai năm 1993;

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B và bà C.

1.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đơn xin chuyển quyền sử dụng đất) đề ngày 10/9/1997 giữa ông A đối với ông B và bà C.

1.2. Buộc bà C và những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh B4, anh B3, anh B2, anh B1 giao trả cho ông A diện tích đất tranh chấp có định vị:

Hướng Bắc giáp phần đất ông K đang quản lý sử dụng có số đo 5,36m.

Hướng Nam giáp phần đất bà C đang quản lý sử dụng có số đo 5,45m.

Hướng Đông giáp với đất trống còn lại bà C và ông B4 đang quản lý sử dụng có số đo 15m.

Hướng Tây giáp ranh giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng

đường Q có số đo 15m.

Tổng diện tích: 81,1 m²

1.3. Tạm giao cho ông A quản lý, sử dụng phần đất thuộc hành lang quy hoạch đường Q có định vị như sau:

Hướng Bắc giáp phần đất ông K đang quản lý sử dụng có số đo 05 m.

Hướng Nam giáp phần đất bà C đang quản lý sử dụng có số đo 05 m.

Hướng Đông giáp với ranh giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng đường Q có số đo 15m.

Hướng Tây giáp đường Q có số đo 15m.

Tổng diện tích: 75 m².

1.4. Ông A được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp có định vị nói trên.

1.5. Buộc bà C và những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh B4, anh B3, anh B2, anh B1 có nghĩa vụ đăng ký biến động giảm đối với diện tích đất tranh chấp ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà D đối với ông A.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà C và những người thừa kế của ông B là anh B2, B4, B3, B1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông A số tiền 1.440.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà C và những người thừa kế của ông B là anh B2, anh B4, anh B3, anh B1 phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Bà D và ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông A đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008196 ngày 17 tháng 5 năm 2018, bà D đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000446 ngày 27/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông A và bà C mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0006871 ngày 25/5/2021 và bà C (do B2 nộp thay) đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0006882 ngày

09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M được chuyển thu án phí toàn bộ, không được hoàn lại.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND Tp. M (01 bản);
- CCTHADS Tp. M (01 bản);
- Các đương sự (10 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt

